

TỔNG QUAN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm “trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”

Bản chất của nhà nước pháp quyền là nhà nước chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình. Để xây dựng xã hội văn minh, hiện đại cần phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ toàn diện các quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể trong xã hội, trong đó có nhà nước. Trách nhiệm của nhà nước có phạm vi rộng, phức tạp bởi nhà nước là một trong những chủ thể mang tính chính trị xã hội.

Về góc độ pháp lý, khi xem xét trách nhiệm phải xuất phát từ sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ: quyền càng rộng thì trách nhiệm càng lớn. Trước pháp luật, nhà nước cũng bình đẳng với các cá nhân, tổ chức nên nhà nước có thể phải gánh chịu các hậu quả bất lợi khi vi phạm trách nhiệm.

Có thể xem trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đặc biệt, bởi nó có những đặc thù riêng là bên có trách nhiệm bồi thường là nhà nước mà không phải trách nhiệm của cá nhân cán bộ, công chức hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, để bảo vệ lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại cần phải xây dựng pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước độc lập so với việc điều chỉnh các quan hệ dân sự, hành chính nhưng cơ chế điều chỉnh phải bảo đảm tính liên thông hoặc có khả năng hoán đổi linh hoạt giữ các cơ chế khi cần thiết.

Thuật ngữ “trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” không xa lạ trong văn bản pháp luật nhưng hiện nay vẫn không có định nghĩa chính thức về trách nhiệm này.

Thông qua văn bản cũng như thực tiễn và trên cơ sở lý luận, chúng ta có thể hiểu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là việc Nhà nước chịu trách nhiệm bồi

Về chủ đề này, xem thêm Nguyễn Đỗ Kiên: “Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường cho cá nhân, tổ chức xuất phát từ hành vi trái pháp luật (hay hành vi không được pháp luật cho phép) của người thi hành công vụ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

Ở đây, người làm phát sinh trách nhiệm bồi thường (người thi hành công vụ) và người chịu trách nhiệm bồi thường (Nhà nước thông qua các cơ quan của mình) là hai chủ thể khác nhau. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là trách nhiệm xuất phát từ hành vi của người thi hành công vụ.

Phân biệt với trưng mua, trưng dụng. Trong pháp luật hiện hành, Nhà nước có thể trưng mua, trưng dụng tài sản của người dân và Điều 32, Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của cá nhân hoặc tổ chức theo thời giá thị trường...”.

Người có tài sản bị trưng mua, trưng dụng có thiệt hại thì được Nhà nước bồi thường. Ví dụ, theo một quyết định giám đốc thẩm, “khi Ủy ban nhân dân xã lấy đất trên để làm khu thể thao, lẽ ra phải giải quyết bồi thường về tài sản trên đất cho gia đình bà Keo theo quy định của pháp luật mới bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người đầu tư, khai phá đất đai”. Trong trường hợp có tranh chấp về bồi thường thì người có tài sản bị trưng mua, trưng dụng cũng có thể khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường. Chính vì các yếu tố vừa nêu mà đã có ý kiến cho rằng, trưng mua, trưng dụng cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Nhà nước bồi thường (mà có lẽ chính xác là bồi hoàn) trong trưng mua, trưng dụng khác với việc Nhà nước bồi thường trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mà chúng ta sẽ nghiên cứu. Bởi lẽ, trách nhiệm trong trường hợp trưng mua, trưng dụng xuất phát từ hành vi mà pháp luật cho phép (như trong ví dụ trên, việc lấy đất của người dân được pháp luật cho phép) còn trong trường hợp thứ hai, trách nhiệm bồi thường xuất phát từ hành vi mà pháp luật không cho phép làm. Ở chuyên đề này chỉ nghiên cứu về trách nhiệm của Nhà nước xuất phát từ hành vi của người thi hành công vụ mà pháp luật không cho phép.

2. Đặc trưng của trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Hiện nay, pháp luật của nhiều nước cũng như của Việt Nam có quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đối chiếu với các trách nhiệm dân sự khác, nhất là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, có thể thấy trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam có những đặc trưng

riêng liên quan đến hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, cơ chế giải quyết cũng như thực thi trách nhiệm bồi thường.

2.1. Về hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường

Xét ở góc độ là chủ thể có hành vi có thể thấy, trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, về nguyên tắc (có ngoại lệ), trách nhiệm bồi thường phát sinh xuất phát từ hành vi của con người. Trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, trách nhiệm cũng phát sinh từ hành vi của con người. Tuy nhiên, đối với trường hợp thứ nhất, hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường là hành vi của bất kỳ ai, còn trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, làm phát sinh trách nhiệm bồi thường là hành vi của người thi hành công vụ. Như vậy, chủ thể có hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước giới hạn, được xác định cụ thể hơn so với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung.

Đối với trách nhiệm bồi thường nói chung, hành vi làm phát sinh trách nhiệm có thể xảy ra ở bất kỳ hoàn cảnh nào của đời sống xã hội, còn đối với trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường phải là hành vi của người thi hành công vụ trong khi thực thi nhiệm vụ mà Nhà nước giao (tức trong khi thi hành công vụ).

Thực ra, một người thi hành công vụ có ít nhất hai tư cách là tư cách của người thi hành công vụ (thực hiện công việc của Nhà nước) và tư cách cá nhân. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chỉ phát sinh đối với hành vi của người này với tư cách là người thi hành công vụ. Nếu việc làm của người thi hành công vụ không gắn với việc thực thi công vụ thì họ phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi của mình và Nhà nước không chịu trách nhiệm bồi thường.

2.2. Về chủ thể có trách nhiệm bồi thường

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, về nguyên tắc người có hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường chính là người chịu trách nhiệm bồi thường. Theo quy định của Bộ luật dân sự hiện hành người nào gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường. Chính vì vậy, cần làm rõ việc nhà nước chịu trách nhiệm bồi thường.

Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xuất phát từ hành vi của người thi hành công vụ nhưng trách nhiệm bồi thường cho người bị thiệt hại không là của người thi hành công vụ mà là trách nhiệm của Nhà nước. Do đó, chủ thể trong quan hệ bồi thường nhà nước là Nhà nước và người bị thiệt hại, người thi hành công vụ gây thiệt hại không là chủ thể của quan hệ bồi thường, nhưng vẫn là chủ thể trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Thực ra, hành vi của người thi hành công vụ phù hợp với quy định của pháp luật là hành vi của Nhà nước nhưng hành vi này không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, có thể làm phát sinh trách nhiệm của Nhà nước như khi người thi hành công vụ xác lập một giao dịch hợp pháp vì lợi ích và trên danh nghĩa Nhà nước. Theo quy định hiện hành, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh từ hành vi trái pháp luật (không hợp pháp) của người thi hành công vụ nhưng hành vi trái pháp luật (không hợp pháp) không phải là hành vi của Nhà nước. Tuy nhiên, chúng ta quy trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước do hành vi trái pháp luật (không hợp pháp) của người thi hành công vụ là vì hành vi gây thiệt hại của người thi hành công vụ gắn liền với công việc mà Nhà nước phải làm và xuất phát từ người được Nhà nước giao thi hành công vụ.

Trong thực tế, Nhà nước là một bộ máy công kênh, phức tạp nên chủ thể phải bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại là những cơ quan cụ thể của Nhà nước và về nguyên tắc, là cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ.

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về nguyên tắc, người gây thiệt hại là người bồi thường nên vấn đề hoàn trả khoản tiền đã bồi thường cho người bị thiệt hại không được đặt ra.

Tuy nhiên, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thực chất là trách nhiệm thay thế ở đây, Nhà nước phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường do người thi hành công vụ làm phát sinh. Hơn nữa, tiền bồi thường được lấy từ ngân sách nhà nước, mà ngân sách nhà nước là do người dân đóng góp, nếu Nhà nước lấy tiền của người dân để bồi thường cho người dân thì trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không còn ý nghĩa gì. Do đó, vấn đề người thi hành công vụ có phải hoàn trả cho Nhà nước hay không được đặt ra.

Về việc hoàn trả, đây là trách nhiệm của người thi hành công vụ. Tuy nhiên, không phải trong trường hợp nào người thi hành công vụ cũng phải

hoàn trả. Trường hợp phải hoàn trả và mức độ hoàn trả còn tùy từng trường hợp và tùy vào lỗi của người thi hành công vụ.

2.3. Về cơ chế giải quyết trách nhiệm bồi thường

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự, cho dù hành vi của người gây thiệt hại phát sinh cả trách nhiệm hình sự và việc bồi thường được giải quyết cả trong vụ án hình sự.

Về nguyên tắc, bản chất của quan hệ giữa Nhà nước và người dân là mối quan hệ công và quan hệ này tồn tại ở giai đoạn người thi hành công vụ thực thi công vụ được giao. Khi người thi hành công vụ có hành vi làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thì quan hệ giữa Nhà nước và người bị thiệt hại không còn là quan hệ công nữa.

Tuy nhiên, quan hệ này chưa thực sự là quan hệ dân sự như các quan hệ dân sự khác vì: thứ nhất, quan hệ này xuất phát từ hành vi thi hành công vụ gắn liền với thực thi công vụ); thứ hai, trong quan hệ này vẫn có Nhà nước - một chủ thể công rất đặc biệt) và thứ ba, tài sản để bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm bồi thường lấy từ ngân sách nhà nước.

Do quan hệ bồi thường giữa Nhà nước và người bị thiệt hại có cả yếu tố của quan hệ công và yếu tố của quan hệ dân sự nên cơ chế giải quyết bồi thường giữa Nhà nước và người bị thiệt hại cũng có cả yếu tố của quan hệ công và yếu tố của quan hệ dân sự.

Trong pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hiện nay, chúng ta có nhiều yếu tố của quan hệ dân sự. Chẳng hạn, người bị thiệt hại có thể yêu cầu bồi thường hoặc không yêu cầu bồi thường vì đó là quyền (không là trách nhiệm) như trong pháp luật dân sự. Tương tự, pháp luật vẫn để cho các bên thương lượng, thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên, yếu tố của quan hệ công cũng khá phổ biến. Ví dụ, như pháp luật buộc người bị thiệt hại phải yêu cầu cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường giải quyết bồi thường để tiến hành thương lượng trước khi khởi kiện ra Tòa án theo thủ tục dân sự. Tương tự, tiền bồi thường lấy từ ngân sách nhà nước nên sẽ có những ràng buộc của việc sử dụng ngân sách.

Theo chúng tôi, sẽ là thuyết phục khi yếu tố công ít hơn yếu tố dân sự và trong trường hợp có do dự trước sự không rõ ràng của văn bản về một vấn đề

nào đó, chúng ta nên vận dụng những yếu tố của quan hệ dân sự . Chúng ta nên lấy ý tưởng chủ đạo là, trong việc giải quyết bồi thường, Nhà nước đóng vai trò như một chủ thể của quan hệ tư, không có quyền lực hành chính mà chỉ là một chủ thể dân sự bình đẳng với bên bị thiệt hại.

3. Các loại trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được đề cập đến nhiều, vậy gồm những trách nhiệm cụ thể nào?

Nhìn chung, đây là trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhưng trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn bao gồm cả trách nhiệm hoàn trả tài sản và trách nhiệm khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại. Ngoài ba trách nhiệm nêu trên, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không quy định trách nhiệm khác và khi người bị thiệt hại yêu cầu Nhà nước thực hiện trách nhiệm khác thì đã có Tòa án từ chối.

Trong thực tế, ông Hiếu thuộc trường hợp được bồi thường trong lĩnh vực tố tụng hình sự nên đã yêu cầu cơ quan nhà nước (Tòa án huyện Mỹ Tú) thực hiện ba trách nhiệm nêu trên, đồng thời yêu cầu khôi phục đoàn viên cho ông Hiếu. Tuy nhiên, theo Tòa án, “bị đơn Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú không có thẩm quyền để khôi phục đoàn viên cho ông Hiếu”.

Khi đề cập đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì trách nhiệm bồi thường này thường được hiểu là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra. Ở đây, người bị thiệt hại hoặc người kế thừa được yêu cầu Nhà nước bồi thường và để đạt được điều đó thì phải hội đủ một số điều kiện, trong đó có điều kiện về thiệt hại và hành vi gây thiệt hại: thiệt hại phải tồn tại trong thực tế và do hành vi của người thi hành công vụ gây ra, mức bồi thường phụ thuộc vào mức độ thiệt hại xảy ra trong thực tế.

Trong chuyên đề này sẽ chỉ tập trung chủ yếu vào trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước. Do đó, đối với loại trách nhiệm này sẽ không phân tích kỹ ở đây

Hiện nay trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có một số quy định về hoàn trả tài sản và điều này cho thấy trách nhiệm bồi thường của Nhà nước bao gồm cả trách nhiệm hoàn trả tài sản. Nói cách khác, trách nhiệm hoàn trả tài sản của Nhà nước được Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

coi là một loại trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. So với trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm hoàn trả tài sản không phụ thuộc vào việc có thiệt hại hay không có thiệt hại xảy ra trong thực tế. Dù có thiệt hại hay không có thiệt hại, dù thiệt hại nhiều hay ít, Nhà nước cũng phải hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu.

Ở đây, trách nhiệm hoàn trả tài sản dường như xuất phát từ các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự: chủ sở hữu có quyền đòi tài sản thuộc sở hữu của mình và Nhà nước có trách nhiệm hoàn trả tài sản hay được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

Một trong những tài sản mà Nhà nước phải hoàn trả là trả những khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước xuất phát từ hành vi của người thi hành công vụ. Cụ thể, theo khoản 4 Điều 45, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định các khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền được hoàn trả cho người bị thiệt hại hoặc thân nhân của họ. Trong thực tế trước khi có Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, có Tòa án đã buộc cơ quan nhà nước phải tiến hành hoàn trả cho người dân sau khi có cơ sở xác định việc nộp vào ngân sách xuất phát từ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ. Chẳng hạn, Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh đã ra quyết định tịch thu tang vật là 200 triệu đồng của bà Thận nên bà Thận đã khởi kiện vụ án hành chính, đồng thời yêu cầu hoàn trả khoản tiền trên và bồi thường thiệt hại. Sau khi khẳng định “Quyết định của Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ, chưa đúng với quy định của pháp luật”, Tòa án đã “chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên cần buộc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Thận số tiền 210.000.000 đồng”.

Về trách nhiệm hoàn trả, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chỉ liệt kê một số trường hợp tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thực tế, khi cơ quan thi hành án nhận tiền bán đấu giá nhưng việc tiến hành bán đấu giá là trái pháp luật thì Tòa án cũng buộc thi hành án hoàn trả khoản tiền đã nhận từ việc bán đấu giá. Chẳng hạn, sau khi khẳng định “do chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự

huyện Trảng Bom đã vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục thi hành án những vi phạm này mà dẫn đến phải hủy kết quả bán đấu giá”, Tòa án đã theo hướng “buộc Chi cục thi hành án huyện Trảng Bom phải trả lại là 181.000.000 đồng”.

Bên cạnh đó, Điều 50 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn quy định tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu phải được trả lại ngay khi quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ.

Với quy định này, trách nhiệm hoàn trả phát sinh khi quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ. Trong thực tế, đối với lĩnh vực tố tụng hình sự, đã có trường hợp phải hoàn trả tài sản khi cơ quan điều tra đình chỉ việc điều tra do hết thời hạn điều tra mà không chứng minh người bị thiệt hại phạm tội.

Ví dụ, năm 2007, Ông Hiếu bị Cơ quan điều tra khởi tố và bị Tòa án huyện Mỹ Tú xét xử và tuyên phạt tù. Tòa phúc thẩm đã hủy án sơ thẩm và Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ vụ án nên đã làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong đó có trách nhiệm hoàn trả tài sản cho ông Hiếu .

Về chủ thể phải hoàn trả, Luật quy định không thực sự rõ, nên cần quy định cụ thể theo hướng trong quá trình giải quyết bồi thường, nếu có căn cứ trả lại tài sản theo quy định tại Điều 50 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường tổ chức việc trả lại tài sản.

Với quy định trên, chúng ta hiểu chủ thể “tổ chức” việc hoàn trả tài sản là “cơ quan có trách nhiệm bồi thường”. Trong vụ việc liên quan đến ông Hiếu, ông Hiếu yêu cầu Tòa án huyện Mỹ Tú trả lại 6 cây dao mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Đối với yêu cầu Tòa án trả lại 6 cây dao mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, Tòa án đã theo hướng yêu cầu này phù hợp với Điều 50 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên được chấp nhận. Từ đó, Tòa án đã quyết định buộc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trả lại cho ông Hiếu 6 cây dao mà Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Phải chăng vụ việc trên cho phép hiểu rằng cơ quan đang quản lý tài sản hoặc là Tòa án, nếu tài sản được chuyển cho Tòa án quản lý theo hồ sơ vụ án hoặc là Cơ quan điều tra, nếu Cơ quan điều tra đang quản lý, còn cơ quan có

trách nhiệm “tổ chức” việc hoàn trả lại là Tòa án? Thông tin của bản án chưa đủ để chúng ta có câu trả lời thích đáng.

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không thể hiện rõ về thủ tục hoàn trả tài sản mà chỉ nêu đơn giản là tài sản phải được trả lại ngay. Cần quy định cụ thể về thủ tục hoàn trả tài sản theo hướng

Trong quá trình giải quyết bồi thường, nếu có căn cứ trả lại tài sản theo quy định tại Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường tổ chức việc trả lại tài sản trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ, cơ quan đã ra các quyết định đó có trách nhiệm thông báo cho người bị thiệt hại về việc trả lại tài sản. Trong nội dung thông báo phải ghi rõ về địa điểm, thời gian trả lại tài sản.

Việc trả lại tài sản được tiến hành tại trụ sở cơ quan đã ra quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản hoặc nơi đang bảo quản tài sản. Mọi chi phí cho việc vận chuyển, lắp ráp, khôi phục hiện trạng ban đầu của tài sản do cơ quan đã ra quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu chi trả.

Khi tiến hành trả lại tài sản, công chức được giao thực hiện việc trả lại tài sản có trách nhiệm yêu cầu người bị thiệt hại hoặc người được người bị thiệt hại ủy quyền đến nhận lại tài sản xuất trình các giấy tờ chứng minh là người có tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu hoặc là người được người đó ủy quyền.

Công chức được giao thực hiện việc trả lại tài sản yêu cầu người nhận kiểm tra về số lượng, khối lượng và các đặc điểm khác của tài sản dưới sự chứng kiến của thủ kho nơi bảo quản tài sản.

Việc trả lại tài sản phải được lập thành biên bản có chữ ký của người nhận lại tài sản, đại diện cơ quan đã ra quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản, công chức được giao thực hiện việc trả lại tài sản và thủ kho nơi bảo quản tài sản.

Như vậy, cơ quan ra quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu (nay bị hủy bỏ) sẽ ra quyết định thông báo việc hoàn trả. Với quy định như vậy liệu có thể dẫn đến trường hợp (nhìn từ góc độ văn bản) cơ quan phải ra quyết định thông báo (như Cơ quan điều tra) và cơ quan có trách nhiệm hoàn trả (như Tòa

án) là các cơ quan khác nhau? Trong quyết định thông báo trên phải có nội dung thông báo rõ về địa điểm, thời gian trả lại tài sản.

Trách nhiệm khôi phục danh dự cũng được xác định là một loại trách nhiệm trong bồi thường thiệt hại. Người bị thiệt hại có quyền khôi phục danh dự theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước. Trường hợp người bị thiệt hại chết, thân nhân của họ có quyền yêu cầu khôi phục danh dự.

Việc Nhà nước tiến hành khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại, có nghĩa là khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại cũng là một trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và trách nhiệm này được thực hiện ngay cả khi người bị thiệt hại đã chết (khôi phục danh dự cho người đã chết).

So với trách nhiệm bồi thường thiệt hại, ở đây Nhà nước không tiến hành bồi thường bằng cách trả tiền mà phải tiến hành theo một cách thức nhất định.

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ghi nhận quyền được yêu cầu khôi phục danh dự và điều luật này nằm trong phần chung không giới hạn ở một lĩnh vực cụ thể nên chúng ta có thể suy luận quyền được khôi phục danh dự được áp dụng cho bất kỳ lĩnh vực nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Khi đi vào cụ thể, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chỉ có quy định về khôi phục danh dự trong lĩnh vực tố tụng hình sự tại Điều 5 và trong lĩnh vực tố tụng hình sự, không phải trong trường hợp nào trách nhiệm khôi phục danh dự cũng phát sinh.

Trường hợp, người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; hoặc người bị tạm giam, người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, người đã bị kết án tử hình, người đã thi hành án tử hình mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội; hoặc người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án không bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù có thời hạn mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội yêu cầu khôi phục

danh dự hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu khôi phục danh dự. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không theo hướng chỉ trong những trường hợp nêu trên thì người bị thiệt hại mới được yêu cầu khôi phục danh dự. Thiết nghĩ, nếu người bị thiệt hại có danh dự bị xâm phạm thì họ được quyền yêu cầu khôi phục danh dự trên cơ sở nêu trên cho dù không thuộc trường hợp quy định trong Luật trách nhiệm Bồi thường thiệt hại của Nhà nước.

Trong thực tế, đối với lĩnh vực quản lý hành chính, có Tòa án theo hướng buộc cơ quan có người có hành vi trái pháp luật tiến hành xin lỗi để khôi phục “uy tín” một khái niệm rất khó phân biệt với khái niệm danh dự được Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định chỉ đề cập tới khôi phục “danh dự” và không đề cập đến khôi phục “uy tín” hay “nhân phẩm”. Đây là hướng giải quyết rất thuyết phục nên được duy trì và phát triển.

Phía người bị thiệt hại có quyền yêu cầu khôi phục danh dự trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật. Điều đó có nghĩa là khi quyết định giải quyết bồi thường chưa có hiệu lực pháp luật, người bị thiệt hại chưa được quyền yêu cầu khôi phục danh dự. Về phía người phải khôi phục, Luật quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản về việc khôi phục danh dự của người bị thiệt hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã thụ lý vụ việc phải thực hiện việc, xin lỗi, cải chính công khai. Trong trường hợp cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường không tiến hành khôi phục danh dự trong thời gian trên thì có thể coi đây là một hành vi trái pháp luật.

Trên thực tế, không ít trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã không tuân thủ thời hạn này. Chẳng hạn, ngày 28-9-2012, ông Trung được Tòa án tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm buộc Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Thanh bồi thường thiệt hại hơn 416 triệu đồng và buộc cơ quan này phải tổ chức xin lỗi công khai ông Trung tại nơi cư trú. Sau khi có bản án phúc thẩm, nhiều lần ông Trung yêu cầu Viện sát nhân dân Thành phố Vĩnh Thanh tổ chức xin lỗi nhưng không được đáp ứng. Sau khi báo chí phản ánh và nhiều chuyên gia pháp luật lên tiếng, đến ngày 15-7-2013, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Thanh mới tổ chức buổi công khai xin lỗi ông Trung tại nơi cư trú của

ông. Hy vọng rằng các hoàn cảnh tương tự sẽ không lặp lại để các quy định về thời hạn tiến hành xin lỗi thực sự đi vào cuộc sống.

Trong tương lai, chúng ta nên có thêm quy định là nếu cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường không tiến hành xin lỗi công khai trong thời hạn nêu trên thì cứ một tuần hay một tháng không tiến hành xin lỗi công khai, cơ quan này phải chịu phạt một khoản tiền nhất định. Với quy định như vậy, chúng ta sẽ hạn chế được việc cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường chậm trễ trong việc tiến hành xin lỗi công khai.

Theo quy định vừa nêu, khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại được thực hiện dưới hình thức trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị thiệt hại có sự tham dự của đại diện chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú, đại diện của cơ quan nơi người bị thiệt hại làm việc, đại diện của một tổ chức chính trị - xã hội mà người bị thiệt hại là thành viên. Cần quy định cụ thể hình thức xin lỗi công khai theo hướng cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải thông báo thời gian, địa điểm tiến hành việc xin lỗi cho cơ quan nơi người bị thiệt hại làm việc, chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú và tổ chức chính trị - xã hội mà người bị thiệt hại là thành viên để các cơ quan, tổ chức này cử người đại diện tham dự.

Ngoài ra, việc phải đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp theo yêu cầu của người bị thiệt hại hoặc đại diện hợp pháp của họ. Luật không quy định cụ thể báo trung ương và báo địa phương nào nên việc khôi phục danh dự trên báo nào còn tùy thuộc vào hoàn cảnh. Nếu có thỏa thuận thì việc khôi phục được tiến hành trên báo mà các bên đã thống nhất được, với nhau. Còn khi các bên không đạt được thỏa thuận thì văn bản chưa có hướng giải quyết. Trong vụ án liên quan đến ông Hiếu nêu trên, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của ông Hiếu buộc Tòa án huyện Mỹ Tú thực hiện việc xin lỗi, cải chính công khai trên báo Nhân dân và báo Sóc Trăng.

Trong hai hình thức khôi phục danh dự nêu trên thì có một hình thức khôi phục phải do một cá nhân trực tiếp thực hiện. Đó là việc xin lỗi, cải chính công khai.

Luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước không rõ quy định về chủ thể tiến hành xin lỗi, cải chính công khai. Trong thực tế, có Tòa án buộc cơ quan nhà nước phải tiến hành xin lỗi, cải chính công khai một cách chung chung, không nói ai sẽ tiến hành nhưng cũng có Tòa án tuyên rõ người đại diện của cơ quan nhà nước có trách nhiệm bồi thường sẽ tiến hành việc xin lỗi, công khai. Ví dụ, trong vụ việc liên quan đến ông Trung, Tòa án tỉnh Hậu Giang theo hướng “buộc đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm tổ chức xin lỗi công khai ông Trùng” Vì vậy, cần quy định cụ thể theo hướng người đại diện của cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải thực hiện việc xin lỗi người bị thiệt hại.

